

Bản án số: 84/2021/HS-ST

Ngày: 21-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Bà Hoàng Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 04/5/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HS ngày 28/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/HSST- QĐ ngày 11/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Huy T, sinh ngày 20/01/1982 tại huyện SD, tỉnh TQ; Nơi cư trú: Thôn NH, xã HH, huyện SD, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Huy Th, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960. Có vợ Đinh Thị H, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012. Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện SD xử phạt 02 (hai) tháng tù cho hưởng án treo, khấu trừ thời gian đã bị tạm giam là 01 (một) tháng 15 (mười lăm) ngày, còn phải chấp hành tiếp 01 (một) năm 10 (mười) tháng 15 (mười lăm) ngày, thử thách 03 (ba) năm 09 (chín) tháng về tội “Đánh bạc”. Phạt tiền 3.000.000 đồng sung quỹ nhà nước, nộp 50.000 đồng án phí (Thi hành xong phần tiền phạt ngày 24/9/2008).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Đặng Đình L, sinh ngày 09/6/1995 tại huyện CM, thành phố HN; Nơi cư trú: Thôn LX, xã LĐ, huyện CM, thành phố HN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Đình H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Có vợ: Đình Thị Nh, sinh năm 1995 và có 02 con; Con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ tư.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Lê Thanh Đ, sinh ngày 01/02/1984 tại huyện SD, tỉnh TQ; Nơi cư trú: Thôn NH, xã HH, huyện SD, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Thanh Ng, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1965; Có vợ Đặng Thị Nh, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019. Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Trịnh Ngọc K, sinh ngày 11/02/1959 tại huyện SD, tỉnh TQ; Nơi cư trú: Thôn NH, xã HH, huyện SD, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Trịnh Ngọc Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1931; Có vợ Mai Thị Th, sinh năm 1966 và có 04 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1991; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Ngô Văn H, sinh ngày 16/8/1983 tại huyện SD, tỉnh TQ; Nơi cư trú: Thôn NH, xã HH, huyện SD, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Văn B, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1958; Có vợ Đào Thị Ng, sinh năm 1982 và có 03 con; con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015. Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/3/2021, Bùi Huy T, Ngô Văn H, Trịnh Ngọc K, Lê Thanh Đ, Đặng Đình L có được cùng nhau hộ việc đám cưới tại nhà ông Đinh Tiến Ph, thuộc thôn NH, xã HH, huyện SD, tỉnh TQ. Đến khoảng 21 giờ ngày 17/3/2021 thì có T, L, H đến nhà K ngồi chơi uống nước sau đó thì cùng nhau đánh bạc bằng hình thức chơi sâm được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 10.000 đồng trở lên, các đối tượng ngồi xuống chiếu xốp đã được trải sẵn trong phòng khách nhà K, sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (có sẵn tại chiếu) để đánh bạc. Khoảng 30 phút sau, Đạo cũng đến và tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến 00 giờ 05 phút ngày 18/3/2021 thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Sơn Dương phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: Trịnh Ngọc K, Đặng Đình L, Ngô Văn H, Bùi Huy T, Lê Thanh Đ. Tang vật thu giữ: 8.370.000 đồng (*Tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (thu trên chiếu bạc); 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu xốp màu xanh, trắng. Ngoài ra Ngô Văn H tự giao nộp 3.900.000 đồng; Trịnh Ngọc K giao nộp 510.000 đồng; Lê Thanh Đ giao nộp 1.350.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ là: 14.130.000 đồng. (*Mười bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh:

1. Bùi Huy T: Tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, có 3.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt để tiền tại chiếu (đã thu giữ).

2. Đặng Đình L: Tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, có 2.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt để tiền tại chiếu (đã thu giữ).

3. Trịnh Ngọc K: Sử dụng nhà mình cho các đối tượng đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, có 620.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua 110.000 đồng, còn lại 510.000 đồng để ở túi quần bên phải đang mặc, khi bị bắt đã tự nguyện giao nộp.

4. Ngô Văn H: Tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, có 400.000 đồng sử dụng đánh bạc, thắng 3.500.000 đồng, tổng cộng có 3.900.000 đồng để ở túi quần phía trước bên phải đang mặc. Khi bị bắt đã tự nguyện giao nộp.

5. Lê Thanh Đ: Không tham gia đánh bạc từ đầu, có 1.200.000 đồng sử dụng đánh bạc, thắng 150.000 đồng, tổng cộng có 1.350.000 đồng để tại vị trí ngồi đánh bạc, khi bị bắt đã tự nguyện giao nộp.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là: 7.220.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) nhưng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ trên chiếu bạc và của các đối tượng Ngô Văn H, Trịnh Ngọc K, Lê Thanh Đ có sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 14.130.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*), còn chênh lệch là: 6.910.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm mười nghìn đồng*) do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Cáo trạng số: 43/CT-VKSSD ngày 29/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Bùi Huy T, Ngô Văn H, Trịnh Ngọc K, Lê Thanh Đ, Đặng Đình L có lý lịch nêu trên về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố Bùi Huy T, Ngô Văn H, Trịnh Ngọc K, Lê Thanh Đ, Đặng Đình L phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt chính:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Bùi Huy T từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Đặng Đình L từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (một) năm đến 01 năm 06 (sáu) tháng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt Trịnh Ngọc K 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt Ngô Văn H 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự: Phạt tiền bị cáo Lê Thanh Đ từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo K, H đã bị tạm giữ 03 (ba) ngày nên được khấu trừ khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Ngô Văn H thuộc diện hộ cận nghèo, không có tài sản gì có giá trị; bị cáo Trịnh Ngọc K là người cao tuổi, không có tài sản gì có giá trị nên đề nghị HĐXX không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H.

* Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Tùng, L, H đều không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo K là người cao tuổi, các bị cáo T, L, H, K không có tài sản riêng có giá trị; bị cáo Lê Thanh Đ đã đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Do vậy, đề nghị HĐXX không áp dụng hình bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị

HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, đồng thời cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc xem xét hành vi của các bị cáo.

Các bị cáo T, L, Đ, K, H đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trên 5.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai nhận tội của chính các bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 00 giờ 05 phút ngày 18/3/2021 tại nhà Trịnh Ngọc K thuộc thôn NH, xã NH, huyện SD, Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H, Lê Thanh Đ, Đặng Đình L, Bùi Huy T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bằng hình thức chơi sâm được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là: 14.130.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó: 7.220.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) là số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc, Cụ thể: Bùi Huy T (tham gia đánh bạc ngay từ đầu) có 3.000.000 đồng; Đặng Đình L (tham gia đánh bạc ngay từ đầu) có 2.000.000 đồng; Lê Thanh Đ (vào sau cùng) có 1.200.000 đồng; Trịnh Ngọc K (tham gia đánh bạc ngay từ đầu) có 620.000 đồng; Ngô Văn H (tham gia đánh bạc ngay từ đầu) có 400.000 đồng. Ngoài số tiền trên các bị cáo còn phải chịu trách nhiệm chung về số tiền 6.910.000 (*Sáu triệu chín trăm mười nghìn đồng*) thu trên chiếu bạc nhưng không chứng minh cụ thể của đối tượng nào.

Trong vụ án này các bị cáo cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh sâm với mục đích sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền, phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ; vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo được đánh giá lần lượt như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Huy T không thừa nhận bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc, bị cáo xác định khi ngồi chơi ở bàn uống nước tại nhà bị cáo Trịnh Ngọc K, sau khi nhìn thấy bộ bài để ở chiếu xóp thì các bị cáo mới nảy sinh ý định đánh sâm và tất cả năm bị cáo cùng đồng thuận nhất trí chứ không có ai khởi xướng đầu tiên. Lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của 04 bị cáo L, H, K, Đ. Do vậy, vai trò của bị cáo T trong vụ án được xác định là tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, sử dụng số tiền lớn nhất (3.000.000 đồng) tham gia đánh bạc nên tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo được xác định là cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Đặng Đình L tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, sử dụng 2.000.000 đồng tham gia đánh bạc. Do vậy, vai trò của bị cáo L được đánh giá là đứng thứ hai sau bị cáo Bùi Huy T.

Các bị cáo Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H tuy sử dụng số tiền vào việc đánh bạc ít hơn bị cáo Lê Thanh Đ, tuy nhiên K, H đều tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo Trịnh Ngọc K có 620.000 đồng tham gia đánh bạc. Bị cáo Ngô Văn H có 400.000 đồng tham gia đánh bạc. Bản thân bị cáo Đạo (có 1.200.000 đồng) đến sau, chỉ tham gia 01 ván bài nên tính sát phạt trong hành vi phạm tội của bị cáo Đạo được xác định là thấp nhất trong vụ án.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[2.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo K, H, L, Đ đều “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Thanh Đ được lữ đoàn 144, Bộ tổng tham mưu được tặng Danh hiệu “*Chiến sỹ tiên tiến*”, có bố là ông Lê Thanh Ng được Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang tặng Bằng khen “*Đã có thành tích trong phong trào thi đua Quyết thắng năm 2011*”; được Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang tặng Giấy khen “*Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc*”. Các bị cáo T, K, H, Đ đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3]. Về việc quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3.1]. Hình phạt chính:

Xét toàn diện căn cứ để quyết định hình phạt đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ:

Bị cáo Đặng Đình L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Bùi Huy T tuy đã bị xét xử từ năm 2007 nhưng tính đến ngày phạm tội đã đủ thời gian được coi là chưa có án tích; tính chất, mức độ phạm tội trong vụ án này của bị cáo T thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cả hai bị cáo L và T đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo đã giảm đi đáng kể. Bị cáo T có đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương về việc luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; Xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện (Án treo) theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy

hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội đồng thời thể hiện tính khoan hồng của Pháp luật xã hội chủ nghĩa mà vẫn đảm bảo mục đích trừng trị người phạm tội và giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của xã hội, ngăn ngừa và chống tội phạm chung. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo T, L được hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H đều nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng nên không cần thiết cách ly các bị cáo trên ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng thỏa mãn mục đích của hình phạt và giáo dục ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm chung. Tuy nhiên, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nào cao hơn thì phải chịu mức hình phạt cao hơn. Do bị cáo Ngô Văn H thuộc diện hộ cận nghèo, không có tài sản gì có giá trị; bị cáo Trịnh Ngọc K là người cao tuổi không có thu nhập nên HĐXX không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Trong quá trình điều tra, các bị cáo K, H đã bị tạm giữ 03 (ba) ngày nên được khấu trừ khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Đối với bị cáo Lê Thanh Đ tuy sử dụng số tiền vào việc đánh bạc lớn hơn bị cáo H, K nhưng bị cáo Đ có nhân thân tốt, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mặt khác, quá trình tham gia đánh bạc bị cáo Đ vào sau cùng, chỉ tham gia 01 ván bạc nên tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo là rất thấp. Do vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Lê Thanh Đ.

[3.2]. Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo T, L, H đều không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo K là người cao tuổi, các bị cáo T, L, H, K không có tài sản riêng có giá trị; bị cáo Lê Thanh Đ được xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với tất cả các bị cáo.

[4]. Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[5]. Về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo bản án và các vấn đề khác.

Trong vụ án này quá trình điều tra đã làm rõ và thu giữ được số tiền 14.130.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và được bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc xóp màu xanh, trắng. Xét thấy đây là phương tiện, công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Huy T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Đình L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Thanh Đ.

**Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Huy T, Đặng Đình L, Lê Thanh Đ, Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H phạm tội: "Đánh bạc".*

1. Về hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Huy T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2021).

Giao bị cáo Bùi Huy T cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện SD, tỉnh TQ nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Đình L 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2021).

Giao bị cáo Đặng Đình L cho Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện CM, thành phố HN nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

- Xử phạt Trịnh Ngọc K 07 (bảy) tháng Cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 06 (sáu) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HH, huyện SD, tỉnh TQ nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện SD, tỉnh TQ nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục.

- Xử phạt Ngô Văn H 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2021 đến ngày 20/3/2021 là 03 (ba) ngày quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã HH, huyện SD, tỉnh TQ nơi bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo Ngô Văn H cho Ủy ban nhân dân xã HD, huyện SD, tỉnh TQ nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Phạt tiền bị cáo Lê Thanh Đ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào quỹ nhà nước.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 14.130.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng), hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 39490.1064844.00000 là tài khoản của Chi Cục thi hành án huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương (Theo công văn số 294/CV-CQCSĐT ngày 05/5/2021 của công an huyện Sơn Dương).

- Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc xốp màu xanh, trắng (Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sơn Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương lập ngày 06/5/2021).

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Các bị cáo Bùi Huy T, Đặng Đình L, Lê Thanh Đ, Trịnh Ngọc K, Ngô Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0000964, 0000965, 0000966, 0000967, 0000968 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Sơn Dương;
- CQTHAHS CA huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Sơn Dương;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Hùng - Hoàng Thị Oanh

Phạm Thị Thùy Trâm

